

Số: 1.004/QĐ-ĐHL

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về Nghiên cứu khoa học
đối với giảng viên của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học – Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (đã ban hành kèm theo Quyết định số 896/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp. HCM) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4. Các trường hợp miễn giảm định mức NCKH

Giảng viên thuộc các đối tượng sau đây được miễn, giảm số giờ định mức NCKH. Định mức cho mỗi đối tượng cụ thể như sau:

| STT | ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM | MỨC GIẢM (%) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1. | Giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý tại các phòng, trung tâm và tương đương trở lên | 70 |
| 2. | Giảng viên đang làm việc tại các phòng, trung tâm và tương đương | 60 |

| | | |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 3. | Giảng viên giữ chức vụ Lãnh đạo khoa, bộ môn thuộc trường | 50 |
| 4. | Giảng viên kiêm nhiệm công tác đoàn thể | 30 |
| 5. | Nữ giảng viên cơ hữu trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ - Dưới 12 tháng tuổi - Từ trên 12 tháng đến 24 tháng tuổi - Từ trên 24 tháng đến 36 tháng tuổi | 100 50 30 |
| 6 | Giảng viên cơ hữu giảng dạy môn: - Tin học, Ngoại ngữ - Giáo dục thể chất - Các môn còn lại thuộc Khoa khoa học cơ bản | 80 100 30 |
| 6. | Giảng viên mới là cử nhân: - Năm thứ nhất - Năm thứ hai - Năm thứ ba | 100 80 60 |
| 7. | Giảng viên tập sự | 100 |
| 8. | Giảng viên chuyển đổi sang giảng dạy môn học mới được miễn 100% định mức trong năm đầu tiên, các năm sau không được miễn. | |
| 9. | Các trường hợp miễn, giảm khác theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng | |

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6. Quy định giờ NCKH đối với các hoạt động NCKH, kinh phí NCKH và minh chứng kê khai NCKH

2.1 Sửa đổi, bổ sung Điểm g, Mục 2. Công bố kết quả nghiên cứu

| | | |
|----------|--------------------------------------|------------------|
| 2 | Công bố kết quả nghiên cứu | |
| g | Bài tham luận tại hội thảo khoa học: | |
| | Kỷ yếu Hội thảo được xuất bản, hoặc | Bìa & Mục lục Kỷ |

| | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| bài tham luận được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo (có ISBN) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại nước ngoài) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại Việt Nam) + Bài tiếng nước ngoài + Bài tiếng Việt - Hội thảo trong nước - Hội thảo cấp khoa | 700 giờ/ bài 600 giờ/ bài 500 giờ/bài 400 giờ/bài 200 giờ/bài | yêu Hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận |
| Không xuất bản kỷ yếu nhưng có công bố tóm tắt bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại nước ngoài) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại Việt Nam) + Bài tiếng nước ngoài + Bài tiếng Việt - Hội thảo trong nước + Cấp quốc gia + Cấp Trường + Cấp khoa | 600 giờ/ bài 500 giờ/ bài 400 giờ/ bài 300 giờ/bài 200 giờ/bài 100 giờ/ bài | Địa chỉ website công bố bài tham luận |

2.2 Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Mục 4. Hướng dẫn sinh viên của trường NCKH

| | | | |
|----------|----------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------|
| 4 | Hướng dẫn sinh viên của Trường NCKH | | |
| b | Hướng dẫn đề tài đạt giải thưởng EUREKA - Giải 1 và 2 | 150 giờ/đề tài | Quyết định của Ban Tổ chức Giải thưởng |

| | | | |
|--|-------------------------------|----------------|--|
| | - Giải 3 và giải khuyến khích | 120 giờ/đề tài | |
|--|-------------------------------|----------------|--|

2.3 Bổ sung Mục 5, 6, 7

| | | | |
|---|--------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------|
| 5 | Hướng dẫn sinh viên viết khoá luận tốt nghiệp | 40 giờ/khoá luận | |
| 6 | Hướng dẫn học viên cao học viết luận văn thạc sĩ | 120 giờ/ luận văn | |
| 7 | Hướng dẫn nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ | 150 giờ/ luận án/năm | Không quá 3 năm tính từ ngày có quyết định |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng đơn vị và toàn thể giảng viên thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
 - Như Điều 3;
 - Lưu: VT, NCKH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Hoàng Hải
Trần Hoàng Hải